## 1. Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra giữa kì 1 môn Khoa học tự nhiên, lớp 6

**a) Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Tuần 10 của học kì 1 khi kết thúc nội dung: 4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng.*

**- Thời gian làm bài:** *60 phút.*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 70% trắc nghiệm, 30% tự luận).*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

- Phần trắc nghiệm: 7,0 điểm, *(gồm 28 câu hỏi: nhận biết: 16 câu, thông hiểu: 12 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*

- Phần tự luận: 3,0 điểm *(Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*

| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Điểm số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* |
| *1. Mở đầu (7 tiết)* |  | 5 |  | 4 |  |  |  |  | 0 | 9 | **2,25** |
| *2. Các phép đo (10 tiết)* |  | 6 |  | 4 | 2 |  |  |  | 2 | 10 | **3** |
| *3. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí. (7 tiết)* |  | 5 |  | **0** | 2 |  | 2 |  | 4 | 5 | **2,25** |
| *4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng. (8 tiết)* |  | 0 |  | 4 | 4 |  | 2 |  | 6 | 4 | **2,5** |
| **Số câu** | **0** | **16** | **0** | **12** | **8** | **0** | **4** | **0** | **12** | **28** | **10** |
| **Điểm số** | **0** | **4** | **0** | **3** | **2** | **0** | **1** | **0** | **3** | **7** | **10** |
| **Tổng số điểm** | **4,0 điểm** | | **3,0 điểm** | | **2,0 điểm** | | **1,0 điểm** | | **10 điểm** | | **10 điểm** |

**b) Bản đặc tả**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số ý TL/số câu hỏi TN** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Số ý) | TN  (Số câu) |
| ***1. Mở đầu (7 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| - Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên  - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong  phòng thực hành | **Nhận biết** |  |  | **5** |  |  |
| – Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. |  | 1 |  | C1 |
| – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. |  | 2 |  | C2,3 |
| – Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiển vi,...). |  | 2 |  | C4,5 |
| **Thông hiểu** |  |  | **4** |  |  |
| – Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. |  | 1 |  | C6 |
| – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. |  | 1 |  | C7 |
| – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. |  | 2 |  | C8,9 |
| **Vận dụng** |  |  |  |  |  |
| – Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. |  |  |  |  |
| – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. |  |  |  |  |
| – Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành. |  |  |  |  |
| ***2. Các phép đo (10 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| - Đo chiều dài, khối lượng  và thời gian  - Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ | **Nhận biết** |  |  | **6** |  |  |
| - Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | 2 |  | C11,13 |
| - Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | 2 |  | C10,14 |
| - Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian. |  | 1 |  | C12 |
| – Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật. |  | 1 |  | C15 |
| **Thông hiểu** |  |  | **4** |  |  |
| - Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ) |  |  |  |  |
| – Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius. |  | 1 |  | C16 |
| – Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. |  | 1 |  | C17 |
| – Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo. |  | 1 |  | C18 |
| - Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. |  | 1 |  | C19 |
| **Vận dụng** |  | **1** |  | **1** |  |
| - Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. | 1 |  | C1 |  |
| – Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiêt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế) *(không yêu cầu tìm sai số).* |  |  |  |  |
| **Vận dụng bậc cao** | Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa. |  |  |  |  |
| ***3. Các thể (trạng thái) của chất. Oxygen (oxi) và không khí (7 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| – Sự đa dạng của chất  – Ba thể (trạng thái) cơ bản của  – Sự chuyển đổi thể (trạng thái) của chất | **Nhận biết** |  |  | **5** |  |  |
| Nêu được sự đa dạng của chất (chất có ở xung quanh chúng ta, trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh) |  |  |  |  |
| – Nêu được chất có ở xung quanh chúng ta. |  | 1 |  | C20 |
| – Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên. |  | 1 |  | C21 |
| - Nêu được chất có trong các vật thể nhân tạo. |  | 1 |  | C22 |
| **-** Nêu được chất có trong các vật vô sinh. |  |  |  |  |
| - Nêu được chất có trong các vật hữu sinh. |  |  |  |  |
| Nêu được khái niệm về sự nóng chảy; sự sôi; sự bay hơi; sự ngưng tụ, đông đặc. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự nóng chảy |  | 1 |  | C23 |
| – Nêu được khái niệm về sự sự sôi. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự sự bay hơi. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự ngưng tụ. |  |  |  |  |
| – Nêu được khái niệm về sự đông đặc. |  | 1 |  | C24 |
| **Thông hiểu** |  |  |  |  |  |
| - Nêu được chất có trong các vật thể tự nhiên, vật thể nhân tạo, vật vô sinh, vật hữu sinh. |  |  |  |  |
| – Nêu được tính chất vật lí, tính chất hoá học của chất. |  |  |  |  |
| – Đưa ra được một số ví dụ về một số đặc điểm cơ bản ba thể của chất. |  |  |  |  |
| – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể rắn. |  |  |  |  |
| – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể lỏng. |  |  |  |  |
| – Trình bày được một số đặc điểm cơ bản thể khí. |  |  |  |  |
| - So sánh được khoảng cách giữa các phân tử ở ba trạng thái rắn, lỏng và khí. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự nóng chảy. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự đông đặc. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự bay hơi. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự ngưng tụ. |  |  |  |  |
| – Trình bày được quá trình diễn ra sự sôi. |  |  |  |  |
| – Nêu được một số tính chất của oxygen (trạng thái, màu sắc, tính tan, ...). |  |  |  |  |
| – Nêu được tầm quan trọng của oxygen đối với sự sống, sự cháy và quá trình đốt nhiên liệu. |  |  |  |  |
| – Nêu được thành phần của không khí (oxygen, nitơ, carbon dioxide (cacbon đioxit), khí hiếm, hơi nước). |  |  |  |  |
| – Trình bày được vai trò của không khí đối với tự nhiên. |  |  |  |  |
| – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** |  | **2** |  | **2** |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể rắn sang thể lỏng của chất và ngược lại. |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm về sự chuyển trạng thái từ thể lỏng sang thể khí. |  |  |  |  |
| – Tiến hành được thí nghiệm đơn giản để xác định thành phần phần trăm thể tích của oxygen trong không khí. |  |  |  |  |
| – Trình bày được sự ô nhiễm không khí: các chất gây ô nhiễm, nguồn gây ô nhiễm không khí, biểu hiện của không khí bị ô nhiễm. | 1 |  | C2a |  |
| **Vận dụng cao** |  | **1** |  | **1** |  |
| - Dự đoán được tốc độ bay hơi phụ thuộc vào 3 yếu tố: nhiệt độ, mặt thoáng chất lỏng và gió.  - Đưa ra được biện pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm không khí.  – Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường không khí. | 1 |  | C2b |  |
| ***4. Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng; tính chất và ứng dụng của chúng (8 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| – Một số vật liệu  – Một số nhiên liệu  – Một số nguyên liệu  – Một số lương thực – thực phẩm | **Thông hiểu** |  |  | **~~4~~** |  |  |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thuỷ tinh,... |  | 1 |  | C25 |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ... |  | 1 |  | C26 |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi, ... |  | 1 |  | C27 |
| – Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong cuộc sống. |  | 1 |  | C28 |
| **Vận dụng** |  | **2** |  | **2** |  |
| – Trình bày được sơ lược về an ninh năng lượng. | 1 |  | C3a |  |
| – Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất (tính cứng, khả năng bị ăn mòn, bị gỉ, chịu nhiệt, ...) của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng. | 1 |  | C3b |  |
| – Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao** |  | **1** |  | **1** |  |
| Đưa ra được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. | 1 |  | C3c |  |

**Ghi chú: phần tự luận**

- 1 ý tự luận – 0,5 điểm

- Phép đo: 1 câu hỏi 1 ý

- Các thể của chất: 1 câu 2 ý - 2a vận dụng; 2b vận dụng cao

- Nhiên liệu: 1 câu 3 ý - 3a,3b - vận dụng; 3c vận dụng cao.

**c) Đề kiểm tra**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**  **NĂM HỌC 2022 - 2023**  **Môn KHTN- Lớp 6**  **Thời gian làm bài: 60 phút** |

**I. Trắc nghiệm: (7đ)**

*Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau.*

**Câu 1.** Nội dung nào sau đây **không** phải đối tượng nghiên cứu của môn Khoa học tự nhiên?

**A.** Chất và sự biến đổi chất.

**B.** Lực, chuyển động và năng lượng.

**C.** Những sinh vật sống.

**D.** Những ngôn ngữ phổ biến trên Trái Đất.

**Câu 2.** Hành động nào sau đây thực hiện đúng quy tắc an toàn trong phòng thực hành?

**A.** Tự làm thí nghiệm theo ý tưởng của mình.

**B.** Dùng tay kiểm tra độ nóng của vật khi đang đun.

**C.** Cặp, túi, balô để đúng nơi quy định.

**D.** Ngửi mùi hóa chất trước khi làm thí nghiệm.

**Câu 3.** Khẳng định nào sau đây là **sai** khi nói về ý nghĩa của các biển báo?

**A.** hình a: cảnh báo điện cao thế.

**B.** hình b: cảnh báo về chất ăn mòn.

**C.** hình c: cảnh báo về chất độc.

**D.** hình d: cảnh báo về chất dễ cháy nổ

**Câu 4.** Dụng cụ ở hình bên tên gọi là gì và thường dùng để làm gì?

**A.** ống pipette, dùng lấy hoá chất.

**B.** ống bơm tiêm, dùng chuyền hoá chất cho cây trồng.

**C.** ống bơm hoá chất, đụng để làm thí nghiệm.

**D.** Ống bơm khí dùng để bơm không khí vào ống nghiệm.

**Câu 5.** Kính lúp **không** được dùng để quan sát vật mẫu nào sau đây?

**A.** virut.

**B.** cánh hoa.

**C.** quả dâu tây.

**D.** lá bàng.

**Câu 6.** Ví dụ nào sau đây liên quan đến lĩnh vực Hóa học?

**A.** ấp trứng gà bằng máy chuyên dụng.

**B.** quan sát hướng chuyển động của viên đạn sau khi bắn ra khỏi nòng súng.

**C.** theo dõi quá trình lớn lên của cây cà chua.

**D.** khi cho baking soda vào giấm ăn, ta thấy hiện tượng sủi bọt khí.

**Câu 7.** Các nhà khoa học điều chế ra vacxin chống lại virus Corona và được sử dụng rộng rãi, ít bị sốc phản vệ. Theo em vai trò nào của khoa học tự nhiên có trong hoạt động này?

**A.** nâng cao nhận thức về thế giới tự nhiên.

**B.** chăm sóc sức khỏe con người.

**C.** mở rộng sản xuất, phát triển kinh tế.

**D.** bảo vệ môi trường sống.

**Câu 8.** Vật nào dưới đây là vật không sống?

**A.** Con ong.

**B.** Thanh sắt.

**C.** Vi khuẩn.

**D.** Cây táo.

**Câu 9.** Để phân biệt vật sống với vật không sống căn cứ vào những đặc điểm nào?

(1). Khả năng vận động.

(2). Khả năng bị oxy hóa.

(3). Khả năng lớn lên.

(4). Khả năng sinh sản.

**A.** 2,3,4.

**B.** 1,2,3.

**C.** 1,2,4.

**D.** 1,3,4.

**Câu 10.** Đơn vị đo độ dài hợp pháp thường dùng ở nước ta là

**A.** milimét (mm).

**B.** mét (m).

**C.** centimét (cm).

**D.** kilômét (km).

**Câu 11.**  Giới hạn đo (GHĐ) của thước là

**A.** độ dài lớn nhất ghi trên thước.

**B.** độ dài nhỏ nhất ghi trên thước

**C.** độ dài giữa 2 vạch chia liên tiếp trên thước..

**D.** độ dài giữa 2 vạch chia nhỏ nhất trên thước.

**Câu 12.** Thao tác nào dưới đây **không** đúng khi sử dụng thước thẳng đo chiều dài?

**A.** Hiệu chỉnh thước trước khi đo.

**B.** Ước lượng chiều dài cần đo.

**C.** Đặt thước dọc theo chiều dài của vật cần đo đúng cách.

**D.** Đọc kết quả theo vạch chia gần nhất với đầu kia của vật.

**Câu 13:** Thao tác nào là sai khi dùng cân đồng hồ?

**A.** Đặt vật cân bằng trên đĩa cân

**B**. Đặt cân trên bề mặt không bằng phẳng

**C.** Đọc kết quả khi cân khi đã ổn định

**D.** Đặt mắt vuông góc với mặt đồng hồ

**Câu 14.** Đơn vị đo khối lượng trong hệ thống đo lường chính thức ở nước ta là

**A.** tấn.

**B.** miligam.

**C.** kilôgam.

**D.** gam.

**Câu 15.** Nhiệt độ là

**A.** số đo độ dài, ngắn của vật.

**B.** số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.

**C.** số đo độ nặng, nhẹ của vật.

**D.** số đo độ mềm, cứng của vật.

**Câu 16:** Đo chiều dài của chiếc bút chì theo cách nào sau đây là hợp lí nhất?

**A.** 

B.

**C.** 

D. 

**Câu 17:**Để đo thời gian chạy ngắn 100m ta sử dụng đồng hồ nào để đo là hợp lí nhất ?

**A.** Đồng hồ đeo tay

B. Đồng hồ quả lắc.

**C.** Đồng hồ điện tử

D. Đồng hồ bấm giây

**Câu 18.** Trước khi đo thời gian của một hoạt động, ta thường ước lượng khoảng thời gian của hoạt động đó để

**A.** lựa chọn đồng hồ đo phù hợp.

**B.** đặt mắt đúng cách.

**C.** đọc kết quả đo chính xác.

**D.** hiệu chỉnh đồng hồ đúng cách.

**Câu 19.**  Muốn đo độ dài cuốn SGK KHTN 6 một cách thuận lợi nhất nên dùng

**A.** thước có GHĐ 100m và ĐCNN 1cm.

**B. t**hước có GHĐ 30cm và ĐCNN 1mm.

**C. t**hước có GHĐ 10m và ĐCNN 1mm.

**D.** thước có GHĐ 50m và ĐCNN 1cm.

**Câu 20.** Trường hợp nào sau đây đều là chất?

**A.** đường mía, muối ăn, con dao.

**B.** con dao, đôi đũa, cái thìa nhôm.

**C.** nhôm, muối ăn, đường mía.

**D.** con dao, đôi đũa, muối ăn.

**Câu 21.** Trong quả chanh có chứa chất nào?

**A.** citric acid.

**B.** nước, citric acid.

**C.** nước, citric acid, tép chanh.

**D.** nước chanh.

**Câu 22.** Ruột bút chì được làm từ chất nào?

**A.** than chì.

**B.** chì.

**C.** nhựa.

**D.** cao su.

**Câu 23.** Sự chuyển từ thể rắn sang thể lỏng được gọi là

**A.** sự ngưng tự.

**B.** sự bay hơi.

**C.** sự nóng chảy.

**D.** sự đông đặc.

**Câu 24.** Sự bay hơi là sự chuyển từ

**A.** thể rắn sang thể lỏng.

**B.** thể khí (hơi) sang thể lỏng.

**C.** thể lỏng sang thể khí (hơi).

**D.** thể lỏng sang thể rắn.

**Câu 25.** Vật liệu nào sau đây là được dùng làm lõi dây điện?

**A.** gỗ.

**B.** đồng.

**C.** thuỷ tinh.

**D.** gốm.

**Câu 26.** Nhiên liệu nào sau đây **không**được chế biến từ dầu mỏ?

**A.** khí hóa lỏng.

**B.** xăng.

**C.** dầu Diesel.

**D.** than.

**Câu 27.**Thành phần chính của đá vôi là

**A.** sắt.

**B.** đồng.

**C.** calcium carbonate.

**D.** sodium carbonate.

**Câu 28.** Trong các thực phẩm dưới đây, loại nào chứa nhiều vitamin và chất khoáng nhất?

**A.** Thịt.

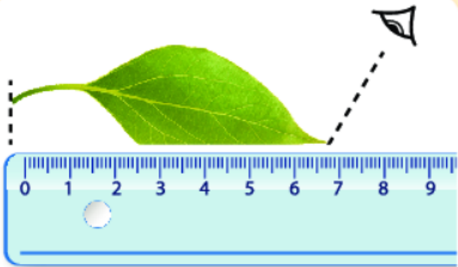
**B.** Cá.

**C.** Sữa.

**D.** Hoa quả.

**II. Tự luận (3đ)**

**Bài 1.(0.5đ)** Bạn Minh tiến hành đo chiều dài một chiếc lá như hình vẽ. Hãy nhận xét về cách đo của bạn. Em hãy đề xuất cách đo để có kết quả chính xác.



**Bài 2.(1đ)**

**a)** Theo em có những nguồn nào có thể gây ô nhiễm không khí trong nhà? Phân tích những tác hại của khói thuốc lá tới sức khỏe con người.

1. Là một học sinh, em thấy mình có thể làm gì để giảm ô nhiễm không khí?

**Bài 3.(1.5đ)**

1. Thế nào là an ninh năng lượng? Vì sao hiện nay các quốc gia trên thế giới đều quan tâm tới việc đảm bảo an ninh năng lượng?
2. Hãy đề xuất phương án kiểm chứng kim loại có tính dẫn nhiệt.
3. Hãy nêu các biện pháp để sử dụng nhiên liệu an toàn, hiệu quả và đảm bảo sự phát triển bền vững.

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**ĐỀ SỐ 01**

**I. Trắc nghiệm (7đ). Mỗi câu đúng 0.25đ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| D | C | D | A | A | D | B | B | D | B |
| 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| A | A | B | C | B | B | C | A | B | C |
| 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 |  |  |
| B | A | C | C | B | D | C | D |  |  |

**II. Tự luận:**

**B. TỰ LUẬN (3đ)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Đáp án** | **Điểm** |
| **Bài 1. (0.5đ)**  - Cách đặt thước và đặt mắt của bạn Minh không đúng.  - Ta cần đặt thước dọc theo chiều dài chiếc lá, từ cuốn lá đến ngọn, vạch số 0 của thước ngang với cuốn lá và mắt nhìn vuông góc với thước | **0.25 đ**  **0.25 đ** |
| **Bài 2.(1đ)**  a) Những nguồn gây ô nhiễm không khí trong nhà: sơn tường, khói thuốc, hóa chất tẩy rửa…  Tác hại của khói thuốc:  + Gây ra các bệnh tim mạch ( huyết áo cao, xơ vữa động mạch, đau tim, đột quỵ…)  + Các vấn đề về phổi ( hen suyễn, tắc nghẽn phổi mãn tính)  + Tăng nguy cơ ung thư ( ung thư phổi..)  b) Đề xuất 1 số biện pháp giảm ô nhiễm không khí của bản thân ( YC HS đề ra được tít nhất 5 biện pháp)  - Tiết kiệm điện ( tắt các thiết bị điện khi không sử dụng)  - Sử dụng nguồn năng lượng thân thiện với MT ( bình nước nóng năng lượng mặt trời…)  - Vứt rác đúng nơi quy định  - Sử dụng các phương tiện giao thông thân thiện với MT ( xe đạp, xe điện..)  - Trồng thêm cây xanh quanh nhà, trường học…  - Tuyên truyền cho mọi người ( gia đình, bạn bè…) cùng tham gia bảo vệ MT… | **0.25đ**  **0.25đ**  **0.5đ** |
| **Bài 3. (1.5đ)**  a) An ninh năng lượng là việc đảm bảo năng lượng dưới nhiều dạng khác nhau, đủ dùng, sạch và rẻ.  Hiện nay các quốc gia trên thế giới đều quan tâm tới việc đảm bảo an ninh năng lượng vì với tốc độ khai thác và tiêu thụ như hiện nay, các nhiên liệu đang có nguy cơ bị cạn kiệt.  b) HS đề xuất được phương án kiểm chứng ( đặt 1 ấm nước bằng nhôm lên bếp đun, sau 1 thời gian toàn bộ các vị trí đều ấm nóng…)  c) Các cách sử dụng nhiên liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.  - Duy trì các điều kiện thuận lợi cho sự cháy cung cấp đủ không khí, tăng diện tích tiếp xúc giữa nhiên liệu và không khí.  - Điều chỉnh lượng nhiên liệu để duy trì sự cháy ở mức độ cần thiết, phù hợp với nhu cầu sử dụng  - Tăng cường sử dụng những nhiên liệu có thể tái tạo và ít ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe con người, như xăng sinh học (E5, E10,…) | **0.25đ**  **0.25**  **0.25**  **0.25**  **0.25**  **0.25** |